

Access list for the 2018/19 UEFA club competitions
 Liste d'accès aux compétitions interclubs 2018/19
 Eintrittsliste für die UEFA-Klubwettbewerbe 2018/19

UEFA Champions League						Association		UEFA Europa League																										
Group Stage 32 teams		Champions				League		Rank		Group 48 teams			Champions		League																			
UCL TH	UEL TH	PO	Q3	Q2	Q1	PR	PO			Q3	Q2	PO	Q3	Q2	Q1	PR																		
CH	RU	N3	N4						1	Spain	4 UCL CH-PO	6 UCL LP-PO&Q3	6	10	20	3 UCL LP Q2																		
CH	RU	N3	N4						2	Germany	CW	N5										N6												
CH	RU	N3	N4						3	England	CW	N5										N6												
CH	RU	N3	N4						4	Italy	CW	N5										N6												
CH	RU							N3	5	France	CW	N4										N5												
CH	RU							N3	6	Russia	CW					N4						N5												
CH								RU	7	Portugal	CW					N3						N4												
CH								RU	8	Ukraine	CW					N3						N4												
CH								RU	9	Belgium	CW					N3						N4												
CH								RU	10	Turkey	CW					N3						N4												
CH								RU	11	Czech Republic	CW					N3						N4												
CH								RU	12	Switzerland	CW					N3						N4												
	CH							RU	13	Netherlands						CW			N3	N4														
	CH							RU	14	Greece						CW			N3	N4														
		CH						RU	15	Austria						CW			N3	N4														
		CH						RU	16	Croatia						CW		RU				N3												
		CH						RU	17	Romania						CW		RU				N3												
			CH						18	Denmark							CW				RU	N3												
			CH						19	Belarus							CW					RU	N3											
			CH						20	Poland							CW						RU	N3										
			CH						21	Sweden							CW							RU	N3									
			CH						22	Israel							CW								RU	N3								
			CH						23	Scotland							CW									RU	N3							
			CH						24	Cyprus							CW										RU	N3						
			CH						25	Norway																	CW	RU	N3					
			CH						26	Azerbaijan																		CW	RU	N3				
			CH						27	Bulgaria																		CW	RU	N3				
			CH						28	Serbia																		CW	RU	N3				
			CH						29	Kazakhstan																		CW	RU	N3				
			CH						30	Slovenia																		CW	RU	N3				
			CH						31	Slovakia																		CW	RU	N3				
									32	Liechtenstein																			CW					
			CH						33	Hungary																			CW	RU	N3			
			CH						34	Moldova																			CW	RU	N3			
			CH						35	Iceland																			CW	RU	N3			
			CH						36	Finland																			CW	RU	N3			
			CH						37	Albania																				CW	RU	N3		
			CH						38	Republic of Ireland																				CW	RU	N3		
			CH						39	Bosnia and Herzegovina																				CW	RU	N3		
			CH						40	Georgia																				CW	RU	N3		
			CH						41	Latvia																				CW	RU	N3		
			CH						42	FYR Macedonia																				CW	RU	N3		
			CH						43	Estonia																				CW	RU	N3		
			CH						44	Montenegro																				CW	RU	N3		
			CH						45	Armenia																				CW	RU	N3		
			CH						46	Luxembourg																				CW	RU	N3		
			CH						47	Northern Ireland																				CW	RU	N3		
			CH						48	Lithuania																				CW	RU		N3	
			CH						49	Malta																				CW			RU	N3
			CH						50	Wales																					CW	RU	N3	
			CH						51	Faroe Islands																					CW	RU	N3	
			1Q	CH					52	Gibraltar																					CW	RU		
			CH						53	Andorra																					CW	RU		
			CH						54	San Marino																					CW	RU		
			CH						55	Kosovo																						CW		

- TH = titleholder / tenant du titre / Titel
- CH = domestic champion / champion national / Landesmeister
- RU = domestic championship runner-up / vice-champion national / Vizelandesmeister
- N3 = domestic championship 3rd-placed club / 3e du championnat national / 3. der nationalen Meisterschaft
- N4 = domestic championship 4th-placed club / 4e du championnat national / 4. der nationalen Meisterschaft
- N5 = domestic championship 5th-placed club / 5e du championnat national / 5. der nationalen Meisterschaft
- N6 = domestic championship 6th-placed club / 6e du championnat national / 6. der nationalen Meisterschaft
- CW = domestic cup winner / vainqueur de la coupe nationale / nationaler Pokalsieger
- Q = qualifying rounds / tours de qualification / Qualifikationsrunden
- PO = play-offs / matches de barrage / Playoffs
- UCL = UEFA Champions League
- UEL = UEFA Europa League